

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 06/12/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY – TP CẦN THƠ**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Hà

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST–HN ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 631/2024/QĐST-HN ngày 28/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: B khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, tổ D, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn – bà T trình bày:

Bà và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2019, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, gây nợ nần bên ngoài, không có sự chăm lo cho gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng đều không có kết quả, vì vậy bà đã mang con về nhà ngoại sinh sống. Nay xét thấy không thể tiếp tục hôn nhân này nên bà có đơn xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Trần Gia T1 (nam), sinh ngày 22/7/2020, bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Phía bị đơn – ông H trình bày tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng là có nhưng theo ông là do bà T bị gia đình tác động nên muốn ly hôn với ông, bản thân ông không muốn ly hôn nhưng do bà T kiên quyết nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông yêu cầu được rước con về bên nội chơi vào mỗi chiều thứ sáu hàng tuần và chở cháu về lại bên ngoại vào sáng thứ 2 để cháu đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: xác định không có.

Phía nguyên đơn – bà T trình bày:

Bà thông nhất cho ông H thăm và rước con về bên nội chơi vào mỗi chiều thứ sáu hàng tuần, tuy nhiên yêu cầu ông H phải chở con về lại nhà ngoại vào chiều chủ nhật để bà chơi cùng con.

***Tại phiên tòa;***

Các bên giữ nguyên trình bày như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà T và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình thừa nhận và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H đều xác định hôn nhân giữa ông bà có nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể giải quyết, tình trạng hôn nhân trầm trọng nay ông H cũng thông nhất ly hôn. Do vậy, đây là cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Các bên thống nhất giao con chung là cháu Phạm Trần Gia T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề còn tranh chấp là thời gian thăm nom chăm sóc con chung. Xét thấy, ý kiến của bà T về việc đồng ý cho ông H thăm nom chăm sóc con chung theo lịch trình là được rước bé về nhà (bên nội) vào mỗi chiều thứ sáu và chở trả bé về nhà (bên ngoại) vào chiều chủ nhật hàng tuần là hợp lý hơn. Điều này nhằm đảm bảo không làm xáo trộn lịch sinh hoạt của cháu T1, cũng như không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người đang trực tiếp nuôi con. Do vậy, đối với ý kiến của ông H cho rằng chỉ đồng ý chở trả bé về nhà (bên ngoại) vào sáng thứ hai, là chưa phù hợp để xem xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các bên xác định không có, nên không đặt ra xem xét, khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Cả hai xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân - chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2/ Về con chung: Giao con chung là Phạm Trần Gia T1 (nam), sinh ngày 22/7/2020, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho ông H theo luật định.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã đóng theo Biên lai thu số 0001114 ngày 15/10/2024 thành án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy;
- UBND P Trà Nóc, Q Bình Thủy, TPCT (ĐKKH năm 2019)
- Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ;
- Lưu (Hs, Lt, Tds).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐẶNG THỊ HUỆ**